:

**TUẦN 25**

**TIẾT 1**

**CẤU TẠO TRONG CỦA THỎ NHÀ**

**1. Mục tiêu:**

1.Kiến thức:- Trình bày được đặc điểm cấu tạo bà chức năng các hệ cơ quan của thỏ

- Phân tích được sự tiến hóa của thỏ so với ĐV ở các lớp trước

2. Kỹ năng: Rèn kĩ năng quan sát, phân tích, so sánh và hoạt động nhóm.

3.Giáo dục ý thức bảo vệ ĐV có ích.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

1.Chuẩn bị của giáo viên: - Tranh vẽ 47.1,2,3,4 + bộ xương thằn lằn

- Mô hình: cấu tạo trong của thỏ

- Bộ não thỏ 47.4 và thằn lằn 39.4

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức cấu tạo trong của bò sát

**III. Hoạt động dạy và học:**

* Kiểm tra bài cũ: (8’)

1) Hãy nêu đặc điểm cấu tạo ngoài của thỏ thích nghi với điều kiện sống. Hãy cho biết vì sao thỏ hoang chạy với vận tốc lớn hơn 1 số con thú săn mồi nhưng trong nhiều trường hợp thỏ rừng vẫn không thoát được?

2) SS đặc điểm sinh sản của thỏ với thằn lằn bóng. Nêu ưu điểm của sự thai sinh so với đẻ trứng và noãn thai sinh.

* + Bài mới :

**HĐ1: I- BỘ XƯƠNG VÀ HỆ CƠ** (10’)

a) Mục tiêu: Nêu được ĐĐ cấu tạo bộ xương và hệ cơ của thỏ đặc trưng cho lớp Thú và phù hợp với sự vận động.

b) Cách tiến hành:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** | | | **Nội dung** |
| **HĐ1: 1) Bộ xương:** (6’)  - Dựa vào H.47.1 hãy nhận biết và mô tả thành phần cơ bản của bộ xương thỏ + vai trò bộ xương  - Cho đại diện nhóm trình bày đáp án  - Gv chốt lại kiến thức  - Lập bảng SS bộ xương thỏ và bộ xương thằn lằn   1. Tại sao có sự khác nhau đó 2. Yêu cầu HS rút ra kết luận | | - Cá nhân quan sát tranh+thu nhận kiến thức🡪 nêu được:   1. Các phần bộ xương thỏ 2. Vai trò   - HS phát biểu 🡪 các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - Điền vào bảng 1:  Sự khác nhau đó liên quan đến đời sống | | | **I. Bộ xương và hệ cơ**  1. Bộ xương  - Bộ xương gồm nhiều xương khớp với nhau để nâng đỡ, bảo vệ và giúp cơ thể vận động |
| **Đặc điểm** | **Bộ xương thằn lằn** | | | **Bộ xương thỏ** | |
| **Giống nhau** | - Xương đầu  - Xương thân: Cột sống: xương sườn, xương mỏ ác  đai vai, chi trên  - Xương chi đai hông, chi dưới | | | | |
| **Khác nhau** | - Đốt sống cổ: 8 đốt  - Xương sườn có cả ở đốt thắt lưng  ( chưa có cơ hoành)  - Các chi nằm ngang ( bò sát) | | | - 7 đốt  - Xương sườn kết hợp với đốt sống lưng và xương ức tạo thành lồng ngực ( có cơ hoành)  - Các chi thẳng góc 🡪 nâng đỡ cơ thể | |
| **HĐ2: 2) Hệ cơ:**  - Yêu cầu HS đọc thông tin sgk/152🡪 trả lời câu hỏi:   1. Hệ cơ của thỏ có đặc điểm nào liên quan đến sự vận động? 2. Hệ cơ của có tiến hóa hơn ĐV trước ở những điểm nào? 🡪 Yêu cầu HS rút ra kết luận | | | - HS tự tìm hiểu kiến thức sgk 🡪 trả lời   * Nhờ cơ bám vào xương 🡪 các cơ co dãn 🡪 thỏ di chuyển dễ dàng * Có cơ hoành 🡪 Chia cơ thể thành khoang ngực và khoang bụng. Tham gia quá trình thông khí ở phổi | | **2. Hệ cơ**  - Cơ vận động cột sống phát triển  - Cơ hoành tham gia vào hoạt động hô hấp |

**HĐ3: II –CÁC CƠ QUAN DINH DƯỠNG** (12’)

a) Mục tiêu: Chỉ ra được vị trí, cấu tạo, chức năng của các cơ quan dinh dưỡng thỏ

b) Cách tiến hành:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| - Yêu cầu HS quan sát mô hình cấu tạo trong của thỏ + H.47.2 🡪 Xác định vị trí, thành phần của các hệ cơ quan để hoàn chỉnh bảng  - GV treo bảng phụ🡪 Hướng dẫn HS điền  - GV bổ sung cho hoàn chỉnh | - Cá nhân tự đọc sgk/153, 54 + quan sát H.47.2 🡪 Ghi nhớ kiến thức  - Trao đổi nhóm🡪Hoàn thành phiếu học tập trong vở  - Các đại diện lần lượt lên điền vào bảng 🡪 các nhóm khác bổ sung  - HS tự sửa vào vở |

**Bảng: Vị trí, thành phần của các hệ cơ quan**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các c/quan** | **Vị trí** | **Các thành phần** |
| **Tiêu hóa** | Chủ yếu trong khoanh bụng | Miệng, thực quản ( qua khoang ngực), dạ dày, ruột non, manh tràng, ruột già, gan, mật, tụy ( trong khoang bụng) |
| **Hô hấp** | Trong khoang ngực | Khí quản, phế quản, 2 lá phổi |
| **Tuần hoàn** | Tim trong khoang ngực (giữa 2 lá phổi). Các mạch máu phân bố khắp cơ thể | - Tim  - Các mạch máu ( động mạch, tĩnh mạch, mao mạch) |
| **Bài tiết** | Trong khoang bụng, sát sống lưng | - 2 quả thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, đường tiểu |
| **Sinh dục** | Trong khoang bụng, phía dưới | - Con cái: buồng trứng, ống dẫn trứng, tử cung  - Con đực: tinh hoàn, ống dẫn trứng, cơ quan giao phối |

**HĐ4: III –THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN** (6’)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | KL |
| - Cho HS quan sát H.47.4 + H.39.4 🡪 Nhận xét:   1. Bộ não thỏ có đặc điểm nào giống và khác so với bộ não thằn lằn? 2. Bộ não thỏ tiến hóa hơn bộ não thằn lằn ở những điểm nào? 3. Các bộ phận đó phát triển có ý nghĩa gì trong đời sống thằn lằn? 4. Đặc điểm các giác quan của thỏ? | 1. Phát triển hơn hẳn (kích thước lớn), bán cầu não, tiểu não. Các phần của não giống thằn lằn 2. Bán cầu não, tiểu não 3. Các hoạt động và phản xạ phức tạp, phong phú 4. Thị giác, thính giác, xúc giác phát triển | Hệ thần kinh và giác quan của thỏ phát triển phong phú hơn so với các lớp động vật trước. |

**IV. Kết luận bài học:** Kết luận sgk/155(1’)

**V. Tổng kết đánh gia**: (6’) **Khoanh tròn vào chữ cái đầu câu trả lời đúng:**

**1) Đặc điểm về hệ tiêu hóa chỉ có ở Thú, không có ở ĐVCXS khác là:**

a) Có ống tiêu hóa phân hóa dài b) Có manh tràng

c) Có tuyến nước bọt, sự thay răng d) Có thực quản, dạ dày

**2) Các túi phổi (phế nang) có ý nghĩa gì trong sự hô hấp của thỏ?**

a) Điều hòa nhiệt độ b) Tăng diện tích hô hấp

c) Là nơi trao đổi CO2, O2 d) Câu b, c đúng

**3) Trung ương, điều khiển các phản xạ phức tạp ở thỏ là:**

a) Hành tủy b) Tiểu não

c) Bán cầu não d) Não giữa

**VI-Hướng dẫn hoạt động về nhà:** (2’)

- Học bài + trả lời câu hỏi sgk

- Sưu tầm tranh ảnh về thú có túi và thú mỏ vịt

*Ngày soạn:1/3/2014*

**TUẦN 25**

**TIẾT 1**

**ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ**

**BỘ THÚ HUYỆT VÀ BỘ THÚ TÚI**

**1. Mục tiêu:**

1. Kiến thức: - Nêu được những đặc điểm cơ bản phân biệt bộ thú huyệt và bộ thú túi với các bộ thú khác.

- Nêu được những đặc điểm cấu tạo ngoài, đời sống và tập tính của thú mỏ vịt và thú có túi thích nghi

với đời sống của chúng. Giải thích sự sinh sản của thú túi là tiến bộ hơn bộ thú huyệt

2. Kỹ năng: Rèn kĩ năng quan sát, so sánh, hoạt động nhóm

3. Giáo dục ý thức bảo vệ ĐV có ích.

**II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:**

1. Chuẩn bị của giáo viên: Tranh 48.1 và 48.2 + bảng phụ sgk/157

2. Chuẩn bị của học sinh: Sưu tầm tranh ảnh về thú mỏ vịt và thú có túi + bảng sgk/157

**III. Hoạt động dạy và học:**

* Kiểm tra bài cũ: (7’)

1) Vai trò của cơ và xương thỏ. So sánh bộ xương và hệ cơ của thỏ so với thằn lằn

2) Nêu những đặc điểm cấu taọ trong của thỏ thể hiện sự hoàn thiện so với các lớp ĐVCXS đã học

* + Bài mới :

**HĐ1: I- SỰ ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ** (10’)

a) Mục tiêu: Thấy được sự đa dạng của lớp Thú. Đặc điểm cơ bản để phân chia lớp Thú.

b) Cách tiến hành:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| - Yêu cầu HS tự đọc thông báo phần mở đầu,phân tích kĩ sơ đồ 🡪 trả lời:   * Sự đ/dạng của lớp Thú t/ hiện ở những đ/điểm nào? * Người ta phân biệt lớp Thú dựa trên những đặc điểm nào?   - GV nêu nhận xét, bổ sung: Ngoài đặc điểm sinh sản có thể dựa vào điều kiện sống, chi và răng. | - Tự đọc thông tin + theo dõi sơ đồ 🡪 thảo luận nhóm trả lời:   * Số lượng loài * Đặc điểm sinh sản   ( đẻ trứng và đẻ con) | Phần kết luận |
| **c) Kết luận: - Lớp thú có số lượng loài lớn và sống khắp nơi**  **- Phân chia lớp Thú dựa trên đặc điểm sinh sản, chi và bộ răng**  **Thú đẻ trứng: Bộ thú huyệt**  **- Lớp thú**  **Thú đẻ con Bộ thú túi**  **Thú có nhau: Các bộ thú còn lại** | | |

**HĐ2: II – BỘ THÚ TÚI VÀ BỘ THÚ HUYỆT** (18’)

a) Mục tiêu: Nêu được đặc điểm cấu tạo ngoài, đời sống và tập tính của thú mỏ vịt và kănguru thích nghi với đời sống của chúng. Giải thích đặc điểm sinh sản của kănguru là tiến bộ hơn thú mỏ vịt.

b) Cách tiến hành:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Nội dung** |
| - HS tự đọc thông tin mục I (thú huyệt) và mục II (thú túi) + H.48.1 và 48.2 sgk🡪 đọc kĩ chú thích để điền vào bảng.  - GV treo bảng phụ 🡪 hướng dẫn HS điền vào  - GV nhận xét, sửa chữa🡪 Bảng kiến thức chuẩn. | - Tự đọc thông tin + quan sát hình + tranh ảnh sưu tầm được🡪 thảo luận nhóm để điền vào bảng  - HS tự điền vào vở  - HS điền vào bảng 🡪 HS khác nhận xét, bổ sung  - Sửa vào vở | **c) Kết luận:** |

**So sánh đặc điểm đời sống và tập tính giữa thú mỏ vịt và kănguru**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loài** | **Nơi sống** | **Cấu tạo chi** | **Sự di chuyển** | **Sinh sản** | | **Con sơ sinh** | **Bộ phận tiết sữa** | **Cách cho con bú** |
| **Thú mỏ vịt** | Nước ngọt | Có màng bơi | Đi trên cạn, bơi trong nước | Đẻ trứng | | Bình thường | Chưa có vú, có tuyến sữa | Liếm sữa bám trên lông mẹ hoặc uống sữa hòa tan trong nước |
| **Kănguru** | Đồng cỏ | Chi sau lớn, khỏe | Nhảy | Đẻ con | | Rất nhỏ | Có vú | Ngoặm chặt lấy vú, bú thụ động |
| - Nêu câu hỏi:   * T/sao thú mỏ vịt đẻ trứng mà được xếp vào lớp Thú? * Tại sao thú mỏ vịt con không bú sữa mẹ? * Thú mỏ vịt có cấu tạo ntn phù hợp với đời sống bơi lội ở nước? * Tại sao kănguru con phải được nuôi trong túi ấp của thú mẹ? * Kănguru có cấu tạo ntn phù hợp với lối sống chạy nhảy trên đồng cỏ? | | | | | - Tự xem lại thông tin 🡪 thảo luận và trả lời:   * Nuôi con bằng sữa, có lông mao * Thú mẹ chưa có núm vú * Mỏ dẹp, bộ lông không thấm nước, chân có màng bơi * Con non chưa phát triển đầy đủ. * 2 chân sau to, khỏe, dài.   - Đại diện nhóm trình bày🡪 nhóm khác nhận xét, bổ sung🡪Rút ra kết luận về cấu tạo và đặc điểm sinh sản | | | |
| **c) Kết luận:** **Bộ thú huyệt (thú mỏ vịt):đẻ trứng, thú mẹ chưa có núm vú, có tuyến sữa. Có đặc điểm cấu tạo ngoài, đời sống và tập tính thích nghi với đời sống kiếm ăn và bơi lội trong nước.**  **- Bộ thú có túi đẻ con, con sơ sinh rât nhỏ được nuôi trong túi da ở bụng thú mẹ, bú mẹ thụ động. Có đặc điểm cấu tạo ngoài, đời sống và tập tính thích nghi với chạy nhảy.**  **- Những bộ Thú khác đẻ con, con sơ sinh phát triển bình thường, bú mẹ chủ động.** | | | | | | | | |

**IV. Kết luận bài học:**  **Kết luận sgk/158** (1’)

**V. Tổng kết đánh gia**: (7’) **Khoanh tròn vào chữ cái có câu trả lời đúng:**

**1) Thú mỏ vịt còn mang đặc điểm của Bò sát:**

a) Đẻ trứng và thân nhiệt thay đổi c) Vừa ở nước, vừa ở cạn

b) Chân có 5 ngón có móng có màng bơi d) Cả a, b, c đều đúng

**2) Thú mỏ vịt được xếp vào lớp Thú vì:**

a) Có cấu tạo thích nghi đời sống ở nước

b) Nuôi con bằng sữa

c) Có bộ lông dày không thấm nước

d) Cả a, b, c đều đúng

**3) Ở kănguru chi sau và đuôi phát triển có ý nghĩa thích nghi:**

a) Đứng bằng 2 chân sau để phát hiện kẻ thù từ xa

b) Tự vệ khi gặp kẻ thù

c) Giữ thăng bằng khi nhảy xa

d) Cả a, b, c đều đúng

**VI-Hướng dẫn hoạt động về nhà:** (2’)

- Học bài + trả lời câu hỏi sgk.

- Sưu tầm tranh về dơi và cá voi